

BẢN ĐĂNG KÝ
ĐÀO TẠO CAO HỌC CHUYÊN NGÀNH
QUẢN LÝ GIÁO DỤC
MÃ SỐ: 60 14 05

Nơi đăng ký: TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 10 – 12 Đinh Tiên Hoàng, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh

PHẦN 1

MỞ ĐẦU

1.1 Đơn vị đào tạo:

Khoa Giáo dục, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Tp. HCM.

Trước những đòi hỏi về chất lượng giáo dục và những vấn đề về giáo dục nảy sinh trong quá trình đất nước hội nhập, khoa Giáo dục đã được thành lập theo quyết định số 217-QĐ/ĐHQG/TCCB ngày 20 tháng 8 năm 1999.

Chức năng và nhiệm vụ hiện nay của Khoa:

Đào tạo cử nhân 2 chuyên ngành Quản lý giáo dục và Tâm lý giáo dục;

Nghiên cứu khoa học;

Phục vụ cộng đồng: Tổ chức các khóa học ngắn hạn để bồi dưỡng, nâng cao kiến thức về khoa học giáo dục cho học viên (chủ yếu là giáo viên).

Đến nay, Khoa Giáo dục đã đào tạo được bốn khóa cử nhân Quản lý Giáo dục (2000-2004, 2001-2005, 2002-2006, 2003-2007).

1.2 Nhu cầu xã hội:

Trong quá trình hội nhập quốc tế, nhất là khi đất nước đã chính thức gia nhập WTO, giáo dục giữ một vai trò cực kỳ quan trọng. Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã khẳng định: “Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, vừa là nền tảng vừa là động lực để phát triển đất nước, để chúng ta đi nhanh hơn trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập tốt hơn...”¹

Trong giai đoạn đổi mới và phát triển đất nước hiện nay, giáo dục- đào tạo cùng với khoa học và công nghệ được xem là quốc sách hàng đầu. Chiến lược phát triển giáo dục của Việt Nam giai đoạn 2001-2010 xác định rõ mục tiêu và các nhóm giải pháp phát triển giáo dục. Trong đó, trọng tâm là giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo; đổi mới công tác quản lý giáo dục được xem là khâu đột phá trong chiến lược phát triển giáo dục. Vì vậy, vấn đề quan trọng đặt ra ở đây là **công tác đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục** phải được quan tâm, là yếu tố có ý nghĩa then chốt góp phần thực hiện hiệu quả các giải pháp được đưa ra trong chiến lược phát triển giáo dục.

Các quan điểm, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước luôn nhấn mạnh và đặc biệt quan tâm công tác xây dựng đội ngũ Nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục². Để hiện thực hóa các chủ trương này, trước hết thuộc về **trách nhiệm các cơ sở đào tạo**; góp phần **chuẩn hóa đội ngũ** này nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác trong tình hình mới.

¹ Chương trình công tác năm 2007 và các nhiệm vụ giai đoạn 2007-2010, “Giáo dục là nền tảng, động lực phát triển đất nước”, Tuổi Trẻ online, ngày 12 tháng 4 năm 2007.

² Chỉ thị 40 BT/TW ngày 15/4/2004 của Ban Bí thư TW Đảng ; Quyết định 09/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ Nhà giáo và cán bộ Quản lý Giáo dục; Chỉ thị số 22/CT-BGD-ĐT của Bộ GD-ĐT về việc bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và CBQLGD hàng năm; Nghị định 43/2006/NĐ-CP về phân cấp quản lý biên chế hành chính sự nghiệp nhà nước; Thông tư 71/2006/TT-BTC hướng dẫn thực hiện nghị định 43/2006/NĐ-CP...

Riêng về đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục xét trong tổng thể số lượng cán bộ viên chức ngành giáo dục là khoảng 10%. Hầu hết trong số cán bộ quản lý giáo dục trưởng thành từ giáo viên; họ là những giáo viên giỏi trong lĩnh vực chuyên môn của mình. Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục được đánh giá cao bởi bản lĩnh chính trị vững vàng và phẩm chất đạo đức tốt; là lực lượng nòng cốt thực hiện các chủ trương, chính sách của ngành, của địa phương và nhà trường. Tuy nhiên, **rất nhiều người trong số cán bộ quản lý giáo dục trước khi được bổ nhiệm chưa được bồi dưỡng các kiến thức cơ bản về quản lý**; nếu có, việc bồi dưỡng thường chỉ tập trung vào lĩnh vực lý luận chính trị, quản lý nhà nước và cập nhật chế độ chính sách³. Vì vậy, việc đáp ứng nhu cầu được đào tạo bồi dưỡng dành cho đối tượng này là hết sức cần thiết. Đặc biệt, **chương trình đào tạo phải toàn diện, mang tính hệ thống và cập nhật; trình độ đào tạo càng được nâng cao nhằm đáp ứng nhu cầu học tập và nhiệm vụ công tác của cán bộ quản lý giáo dục.**

Trong số các cơ sở giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý ngành giáo dục trên phạm vi cả nước phải kể đến như: Học viện Quản lý giáo dục (trước đây là Trường Cán bộ quản lý Giáo dục TW 1), Trường cán bộ Quản lý Giáo dục TW 2; một số khoa thuộc các trường Đại học và các Viện nghiên cứu (Đại học sư phạm Hà Nội, Viện Chiến lược và chương trình giáo dục, Khoa Sư Phạm - Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Vinh, Đại học Huế, Đại học Đà Nẵng, Đại học Sư phạm Tp. HCM, Đại học Khoa học xã hội nhân văn Tp. HCM, Đại học Cần Thơ...). Tuy nhiên, xét riêng **các cơ sở đào tạo trình độ sau đại học (Cao học) ngành quản lý giáo dục tại Tp. HCM và các tỉnh phía nam còn chưa đáp ứng nhu cầu thực tế trong bối cảnh hiện nay**. Nhận thức được thực trạng này, Khoa Giáo dục, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Tp. HCM đăng ký nhận nhiệm vụ đào tạo sau đại học chuyên ngành Quản lý Giáo dục.

³ Theo Báo cáo của Ban quản lý dự án SREM (có đính kèm văn bản này tại www.srem.vn/news)

PHẦN 2
MỤC TIÊU VÀ ĐỐI TƯỢNG ĐÀO TẠO

2.1 Mục tiêu đào tạo:

Chương trình này nhằm trang bị cho những người làm việc trong môi trường giáo dục hoặc những tổ chức có liên quan đến giáo dục các kiến thức và kỹ năng của khoa học giáo dục thuộc chuyên ngành Quản lý giáo dục (QLGD). Chương trình được thiết kế theo 2 hướng: hướng nghiên cứu và hướng chuyên nghiệp.

Hướng “nghiên cứu” nhằm mục đích đào tạo các giảng viên đại học, nhà nghiên cứu, chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục.

Hướng “chuyên nghiệp” nhằm mục đích đào tạo các nhà quản lý, lãnh đạo trong các trường phổ thông, các cơ sở giáo dục. Chương trình được thiết kế nhằm hỗ trợ học viên kết nối những kinh nghiệm làm việc đã có của mình với lý luận và thực tiễn của khoa học giáo dục nhằm nâng cao kiến thức và năng lực quản lý.

2.2 Đối tượng dự tuyển:

Đối tượng không cần bổ túc kiến thức: có bằng cử nhân chuyên ngành Quản lý Giáo dục, Tâm lý giáo dục, Giáo dục học, Tâm lý học, Giáo dục mầm non, Giáo dục tiểu học, Giáo dục đặc biệt.

Đối tượng cần bổ túc kiến thức: những người có bằng cử nhân các ngành khác, có ít nhất 2 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực giáo dục.

Các môn học bổ túc kiến thức

STT	Tên môn học	Số tiết	Ghi chú
1	Giáo dục học	60	
2	Tâm lý học	60	
3	Khoa học quản lý	30	

Đối tượng được xét chuyển tiếp sinh:

Sinh viên tốt nghiệp năm nào thì được quyền xét chuyển tiếp sinh trong khóa đào tạo sau đại học kế tiếp.

Ngành tốt nghiệp đại học: chuyên ngành Quản lý giáo dục.

Dưới 35 tuổi.

Tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên.

Sinh viên được giữ lại Trường, Viện, Khoa trong ĐHQG-HCM làm công tác giảng dạy, công tác nghiên cứu, tốt nghiệp loại khá và thuộc trong số 5% sinh viên tốt nghiệp xếp hạng cao nhất của khóa đào tạo, ngành đào tạo.

Được cơ sở đào tạo thạc sĩ (Hội đồng Khoa học - Đào tạo Khoa, Phòng quản lý sau đại học) đồng ý tiếp nhận.

Tổng số học viên được duyệt chuyển tiếp sinh cao học được tính trong chỉ tiêu tuyển mới.

2.3 Các môn thi tuyển:

Các môn thi tuyển sẽ theo quy chế tuyển sinh sau đại học của Đại học Quốc gia Tp. HCM, gồm các môn:

- Cơ bản (Triết học)
- Cơ sở ngành (Giáo Dục Học)
- Ngoại ngữ (Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung): trình độ B.

Thời gian đăng ký đào tạo: Từ năm 2008.

Chế độ đào tạo: Đào tạo theo chế độ tín chỉ (TC).

Số lượng học viên: Theo chỉ tiêu, kế hoạch của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn và của Đại học Quốc gia Tp. HCM.

2.4 Điều kiện tốt nghiệp:

Bảo vệ luận văn: các học viên chọn hướng nghiên cứu sẽ hoàn thành và bảo vệ luận văn tốt nghiệp mang tính nghiên cứu.

Bảo vệ chuyên đề: các học viên chọn hướng chuyên nghiệp sẽ bảo vệ ba chuyên đề liên quan đến thực tiễn quản lý tại một cơ sở giáo dục cụ thể.

PHẦN 3
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1 Nội dung chương trình đào tạo:

Chương trình đào tạo cao học quản lý giáo dục có những nội dung cơ bản sau:

- Lý thuyết và kỹ năng lãnh đạo và quản lý giáo dục (quản lý chương trình, nhân lực, tài chính...)
- Các lý thuyết về kinh tế học, xã hội học trong giáo dục;
- Kiến thức về chính sách và chiến lược, tiếp thị trong giáo dục;
- Nghiệp vụ quản lý các cấp học;
- Các vấn đề tâm lý, văn hóa trong giáo dục;
- Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục.

3.2 Chương trình đào tạo:

Chương trình học được thiết kế theo học chế tín chỉ, gồm khối kiến thức chung sau đại học **12 tín chỉ** và khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành **40 tín chỉ**, theo cấu trúc như sau:

a. Các môn chung sau đại học: 11 TC

STT	Tên môn học	Số tín chỉ
1.	Triết học	5
2.	Ngoại ngữ	6

b. Các môn cơ sở và chuyên ngành: 40 TC

i. Các môn học bắt buộc: 12 TC

STT	Tên môn học	Số tín chỉ	Giảng viên
PP-01	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	3	1. TS. Nguyễn Ánh Hồng 2. TS. Hoàng Mai Khanh
QL-01	Xây dựng chính sách, chiến lược và kế hoạch hóa giáo dục	3	1. PGS.TS. Đỗ Huy Thịnh 2. TS. Nguyễn Thanh Thủy
QL-02	Quản lý nguồn nhân lực trong giáo dục – đào tạo	2	1. PGS.TS. Mạc Văn Trang 2. TS. Lê Xuân Hồng

			3. Ths. Phạm Thị Ngọc Lan
QL-03	Quản lý tài chính trong giáo dục	2	1. TS. Phạm Quang Sáng 2. TS. Mai Ngọc Luông
QL-04	Lý luận tổ chức và quản lý	2	1. PGS.TS. Phạm Thành Nghị 2. TS. Mai Ngọc Luông 3. PGS.TS. Lê Thị Hoa

ii. Các chuyên đề tự chọn: học viên chọn 18 TC chuyên đề/hoạt động thực tế

STT	Chuyên đề	Số tín chỉ	Giảng viên
PP-02	Thiết kế và thực hiện nghiên cứu khoa học GD	2	1. TS. Hoàng Mai Khanh 2. TS. Nguyễn Ánh Hồng
GD-01	Kinh tế học giáo dục	3	1. TS. Phạm Quang Sáng 2. TS. Nguyễn Thị Thanh Phương
GD-02	Xã hội học giáo dục	3	1. TS. Phạm Đức Trọng 2.PGS.TS. Mạc Văn Trang
QL-05	Xây dựng, quản lý và đánh giá dự án về giáo dục – đào tạo	3	1. PGS.TS. Phạm Thành Nghị 2. TS. Nguyễn Thị Thanh Phương
QL-06	Xây dựng, quản lý và đánh giá chương trình học	3	1. TS. Nguyễn Ánh Hồng 2. TS. Trương Thị Tuyết Nhung
QL-07	Lập kế hoạch chiến lược trong trường học	3	1. TS. Trương Thị Tuyết Nhung 2. TS. Nguyễn Thị Thanh Phương
QL-08	Quản lý chất lượng giáo dục	3	1. PGS.TS. Phạm Thành Nghị 2. TS. Vũ Thị Phương Anh
QL-09	Quản lý giáo dục mầm non	2	1. TS. Lê Xuân Hồng 2. PGS.TS Hoàng Tâm Sơn 3. Ths. Nguyễn Thành Nhân
QL-10	Quản lý giáo dục phổ thông	2	1. TS. Lưu Đức Tiến 2. TS. Huỳnh Công Minh
QL-11	Quản lý giáo dục dạy nghề	2	1. TS. Nguyễn Trần Nghĩa 2. TS. Lưu Đức Tiến 3. Ths. Nguyễn Duy Mộng Hà

QL-12	Quản lý giáo dục cao đẳng - đại học	2	1. TS. Nguyễn Thị Thanh Phương 2. PGS.TS. Phạm Thành Nghị
GD-04	Phối hợp giáo dục giữa nhà trường - gia đình – cộng đồng	3	1. TS. Hoàng Mai Khanh 2. TS. Đỗ Hạnh Nga 3. Ths. Nguyễn Minh Sơn
GD-05	Trẻ khuyết tật trong trường học: giáo dục hòa nhập	3	1. TS. Đỗ Hạnh Nga 2. TS. Hoàng Mai Khanh
QL-13	Marketing trong Giáo dục	3	1. TS. Nguyễn Thanh Thủy 2. PGS.TS. Đỗ Huy Thịnh
PP-03	Thống kê Giáo dục nâng cao	2	1. TS. Nguyễn Thanh Thủy 2. Ths. Lý Minh Tiên
TL-01	Tâm lý học quản lý	2	1. PGS.TS. Hoàng Tâm Sơn 2. PGS.TS. Lê Thị Hoa
GD-07	Công nghệ thông tin trong giáo dục	3	1. TS. Nguyễn Đình Thúc 2. PGS. TS. Đinh Điền
Hoạt động thực tế			Ghi chú
TT-01	Tổ chức và hoạt động của 1 cơ quan giáo dục	2	Học viên tìm hiểu, nghiên cứu 1 hoạt động quản lý tại: <ul style="list-style-type: none"> • các sở GD – ĐT • các cơ quan giáo dục • các trường phổ thông, dạy nghề... có sự hướng dẫn của giảng viên.
TT-02	Tổ chức và hoạt động của 1 trường mầm non	2	
TT-03	Tổ chức và hoạt động của 1 trường phổ thông	2	
TT-04	Tổ chức và hoạt động của 1 cơ sở giáo dục chuyên nghiệp	2	
TT-05	Tổ chức và hoạt động của 1 đơn vị đào tạo cao đẳng – đại học	2	
TT-06	Tổ chức và hoạt động của 1 cơ sở giáo dục không chính qui	2	

iii. Luận văn tốt nghiệp hoặc bảo vệ chuyên đề (10 TC):

- Luận văn tốt nghiệp : dành cho các học viên chọn hướng nghiên cứu.
- Bảo vệ chuyên đề: các học viên chọn hướng thực hành sẽ bảo vệ ba chuyên đề liên quan đến thực tiễn quản lý tại một cơ sở giáo dục cụ thể.

c. Chuyên đề ngoại khóa: không tính vào số tín chỉ tích lũy, sẽ được giảng dạy bởi các giáo sư nước ngoài trong các chuyến thăm, làm việc với khoa Giáo dục, trường ĐH KHXH&NV.

- Giáo dục so sánh và quốc tế
- Toàn cầu hóa và giáo dục
- Bạo lực học đường
- Sức khỏe tâm thần học đường